

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/9/2017.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kim Thoa.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Tôn Văn Hùng.**

2. Ông **Lê Văn Tám.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Cảnh**, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu**, kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 269/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/7/2017 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ái X**, sinh năm 1995. ( Xin vắng mặt)

- Địa chỉ: 340, tổ A, ấp V, xã K, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

\* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

- Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ái X trình bày:*

Vào năm 2014 tôi và ông Nguyễn Văn N sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm về cách sống cách nghĩ. Vì thương con nên bà X cố gắng nhẫn nhịn hàn gắn tình cảm, cùng nhau lo cho con ăn học. Thời gian kéo dài chẳng những không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chính vì vậy đến tháng 11/2015 tôi đưa con về sống cùng cha mẹ ruột tại 340, tổ A, ấp V, xã K, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và sống ly thân với ông N cho đến nay.

Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nay tôi yêu cầu:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Việt T, sinh ngày 05/12/2014 hiện đang sống cùng bà X. Sau khi ly hôn bà X yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu T trưởng thành lao động được.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Văn N:*

Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ các lần vào các ngày 22/8/2017, 30/8/2017 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và triệu tập xét xử vào các ngày 14/9/2017, 29/9/2017 nhưng ông N vẫn không đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án cũng như không trình bày ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của bà X.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc bà X và ông N ly thân đã lâu vợ chồng mâu thuẫn tình cảm không thể hàn gắn được nên về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X. Về con chung là cháu Nguyễn Trần Việt T, sinh ngày 05/12/2014 hiện đang sống với bà X, ông N không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị HĐXX giao con chung là cháu T cho bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc ông N cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng tính theo quy định của pháp luật, tài sản chung, nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Ái X trình bày bà và ông Nguyễn Văn N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 là do mai mối, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 15/7/2014 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn được. Hiện bà X và ông N đã ly thân từ tháng 11/2015 đến nay. Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 25/8/2017 bà Nguyễn Thị Thu Trang – công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã N thông tin “Chính quyền địa phương không nắm rõ hoàn cảnh gia đình, tình trạng hôn nhân cũng như mâu thuẫn gia đình dẫn đến ly hôn” của bà X và ông N. Việc bà X đã dẫn con về nhà mẹ ruột sống từ tháng 11/2015 đến nay ông N cũng ít khi ghé thăm cũng như thể hiện việc muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, xét thấy mâu thuẫn giữa bà X và ông N là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X.

Ngày 22/8/2017 bà Trần Thị Ái X có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc không thể đến dự phiên tòa, nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ái X.

Đối với ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần vào các ngày 22/8/2017, 30/8/2017 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và triệu tập xét xử vào các ngày 14/9/2017, 29/9/2017 nhưng ông N vẫn không đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án cũng như không trình bày ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của bà X. HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trần Việt T, sinh ngày 05/12/2014 hiện đang sống với bà X tại 340, ấp V, xã K, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi ly hôn bà X yêu cầu được quyền nuôi con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/tháng. Xét thấy việc yêu cầu nuôi con của bà X là phù hợp, bởi cháu T hiện đang sống với bà X, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà X. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng của bà X là chưa phù hợp tại quy định tại khoản 2 Mục III Công văn 24/1999/KHXX, ngày 17/3/1999 của Tòa án Tối cao thì mức cấp dưỡng nuôi con thấp nhất  $\frac{1}{2}$  lương cơ bản tại thời điểm xét xử sơ Thẩm. Tại Nghị định 47/2017/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu từ ngày 1/7/2017 là 1.300.000đ/tháng nên HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng đối với cháu T mà bà X yêu cầu ông N phải cấp dưỡng là 650.000đ/tháng/ người con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà X khai không có nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Bà Trần Thị Ái X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Luật hôn nhân và gia đình; Công văn 24/1999/KHXX, ngày 17/3/1999 của Tòa án Tối cao; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Ái X. Cho bà Trần Thị Ái X được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Việt T, sinh ngày 05/12/2014 cho bà Trần Thị Ái X chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000đ/tháng và ông N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Về án phí: Bà Trần Thị Ái X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, bà X đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000975 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, cần trừ nên xem như bà X đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Ái X, ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Phan Thị Kim Thoa**